TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/DS-PT
Ngày 25-02-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:	Bà Đinh Thị Mộng Tuyết
Các Thẩm phán:	Ông Nguyễn Trung Dũng
	Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 215/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 16/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Diễm C, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ I, khu phố N, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lâm Thanh T, sinh năm 1993; địa chỉ: Đường N, Khu dân cư T, đường Bình Chuẩn O, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/6/2020), có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Minh Ch, sinh năm 1960; địa chỉ: Khu phố A, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Kim H, sinh năm 1957; địa chỉ: Phường H, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 18/11/2020), có mặt.

Người kháng cáo: Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Minh Ch là bà Phạm Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Trần Thị Diễm C có cho ông Trần Minh Ch vay tiền nhiều lần, với tổng số tiền vay là 1.071.000.000 đồng. Cụ thể:

Lần thứ nhất, ngày 01/10/2018, ông Ch có vay của bà C số tiền là 20.000.000 đồng, hẹn đến ngày 01/12/2018, ông Ch sẽ trả.

Lần thứ hai, ngày 17/10/2018, ông Ch vay của bà C số tiền là 100.000.000 đồng, cũng hẹn đến ngày 01/12/2018, ông Ch sẽ trả.

Lần thứ ba, ngày 07/4/2019, ông Ch vay số tiền là 150.000.000 đồng, hẹn đến ngày 17/5/2019 sẽ trả.

Lần thứ tư, ngày 01/7/2019, ông Ch vay số tiền là 50.000.000 đồng, hẹn đến ngày 01/8/2019 sẽ trả.

Lần thứ năm, ngày 26/8/2019, ông Ch vay 100.000.000 đồng, hẹn đến ngày 26/9/2019 sẽ trả.

Lần cuối, ngày 15/10/2019, ông Ch vay số tiền là 651.000.000 đồng, hẹn đến ngày 15/11/2019 sẽ trả.

Tất cả các lần vay đều có lập thành văn bản gồm 02 văn bản đề "Biên nhận về việc cho vay tiền hộ cá nhân" ngày 01/10/2018 và ngày 17/10/2018; 04 "Giấy cho vay tiền" ngày 07/4/2019; ngày 01/7/2019; ngày 26/8/2019 và ngày 15/10/2019. Việc cho vay có thỏa thuận lãi suất nhưng bà C không nhớ cụ thể.

Tuy nhiên khi đến thời hạn trả, bà C nhiều lần yêu cầu ông Ch trả cho bà C số tiền trên thì ông Ch không trả. Nên bà C có ủy quyền cho Công ty TNHH Dịch vụ Đòi nợ Đ (sau đây gọi tắt là Công ty Đòi nợ Đ) để thu số tiền nợ nêu trên. Sau khi, Công ty Đòi nợ Đ ra Thông báo đòi nợ ngày 26/02/2020 thì đến ngày 13/5/2020, ông Ch đã giao cho Công ty Đòi nợ Đ số tiền là 120.000.000 đồng theo 02 văn bản đề "Biên nhận về việc cho vay tiền hộ cá nhân". Công ty đã giao lại số tiền này cho bà C. Riêng đối với số tiền nợ là 951.000.000 đồng theo 04 "Giấy cho vay tiền" thì ông Ch không trả.

Theo đơn khởi kiện ngày 15/10/2020, nguyên đơn bà C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ch có nghĩa vụ thanh toán cho bà C số tiền nợ gốc là 1.071.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 106.240.000 đồng, tổng cộng là 1.177.240.000 đồng. Nhưng do phía bị đơn đã thanh toán số tiền 120.000.000 đồng theo 02 văn bản đề "Biên nhận về việc cho vay tiền hộ cá nhân" ngày 01/10/2018 và ngày 17/10/2018. Do đó, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn rút lại yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu ông Ch thanh toán số tiền là 120.000.000 đồng này và tiền lãi chậm thanh toán tính trên số tiền nợ gốc này.

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại là 951.000.000 đồng theo 04 "Giấy cho vay tiền" ngày 07/4/2019; ngày 01/7/2019; ngày 26/8/2019 và ngày 15/10/2019 và lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm tính trên số tiền này kể từ ngày đến hạn thanh toán của từng khoản vay tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của

bị đơn ông Trần Minh Ch là bà Phạm Kim H trình bày:

Bị đơn ông Ch và nguyên đơn bà C có mối quan hệ quen biết. Ông Ch có vay tiền của bà C để làm ăn. Đến khi việc làm ăn thua lỗ, ông Ch không còn khả năng trả nợ nên gia đình phải thay ông Ch trả rất nhiều khoản vay cho nhiều người, trong đó có bà C. Tuy nhiên, gia đình ông Ch chỉ đồng ý trả những khoản vay có văn bản rõ ràng và ông Ch thừa nhận.

Đối với số tiền vay là 120.000.000 đồng theo 02 văn bản đề "Biên nhận về việc cho vay tiền hộ cá nhân" ngày 01/10/2018 và ngày 17/10/2018, vào ngày 13/5/2020, phía ông Ch đã thanh toán cho bà C thông qua Công ty Đòi nợ Đ.

Còn lại 04 "Giấy cho vay tiền" ngày 07/4/2019; ngày 01/7/2019; ngày 26/8/2019 và ngày 15/10/2019 với tổng số tiền là 951.000.000 đồng, phía bị đơn khẳng định chữ ký tên, chữ viết ghi họ tên và dấu vân tay ở vị trí "ĐẠI DIỆN BÊN B" trong 04 Giấy cho vay tiền này là chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của ông Ch. Ông Ch có thỏa thuận và ký kết 04 "Giấy cho vay tiền" này. Tuy nhiên đây chỉ là hợp đồng thỏa thuận về việc vay tiền, các bên mới chỉ thỏa thuận về số tiền vay, lãi suất vay và thời hạn trả, tuy nhiên do lãi suất phía bên cho vay là bà C đưa ra quá cao nên sau đó ông Ch không vay nữa. Do đó, chưa có việc giao nhận tiền giữa bà C và ông Ch, ông Ch chưa nhận khoản tiền nào theo 04 Giấy cho vay tiền này.

Do nguyên đơn bà C không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc ông Ch đã nhận tiền theo 04 Giấy cho vay tiền nêu trên (giống như: 02 Biên nhận về việc cho vay tiền hộ cá nhân ngày 01/10/2018 và ngày 17/10/2018) nên bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn lại là 951.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm tính trên số tiền này kể từ ngày đến hạn thanh toán theo Thông báo của Công ty Đòi nợ Đ là ngày 28/02/2020 tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với yêu cầu thanh toán số tiền 120.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính trên số tiền này theo 02 văn bản đề "Biên nhận về việc cho vay tiền hộ cá nhân" ngày 01/10/2018 và ngày 17/10/2018 nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Diễm C đối với bị đơn ông Trần Minh Ch về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Trần Minh Ch có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Diễm C số tiền là 1.069.610.000 đồng (một tỷ, không trăm sáu mươi chín triệu, sáu trăm mười nghìn đồng), bao gồm: Nợ gốc là 951.000.000 đồng (chín trăm năm mươi mốt triệu đồng) và tiền lãi chậm thanh toán theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày 28/02/2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là 118.610.000 đồng (một trăm mười tám triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Diễm C đối với bị đơn ông Trần Minh Ch về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo 02 "Biên nhận về việc cho vay tiền hộ cá nhân" ngày 01/10/2018 và ngày 17/10/2018.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về nghĩa vụ chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2021 người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Minh Ch kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Bị đơn thừa nhận toàn bộ chữ viết, chữ ký trên 04 Giấy cho vay tiền là của chính bị đơn. Bị đơn kháng cáo cho rằng chỉ ký Giấy cho vay tiền nhưng không nhận tiền được tiền vay. Lời trình bày của bị đơn không có căn cứ để chấp nhận, bởi lẽ: khi bị đơn đã ký "Giấy cho vay tiền" ngày 07/4/2019 nhưng không nhận được số tiền vay trong hợp đồng lại tiếp tục ký tiếp các giấy cho vay tiền khác vào các ngày 01/7/2019, ngày 26/8/2019 và 15/10/2019. Việc ký liên tục các Giấy cho vay tiền của bị đơn đã có căn cứ để xác định bị đơn đã nhận được tiền vay. Đối với kháng cáo của bị đơn cho rằng các Giấy cho vay tiền không có thời gian trả tiền. Qua xem xét 04 Giấy cho vay tiền thì chỉ có giấy ngày 15/10/2019 là không ghi thời hạn vay, các giấy còn lại đều thể hiện là 01 tháng. Bị đơn thừa nhận có nhận Thông báo đòi nợ từ phía nguyên đơn, theo thông báo thì thời hạn trả là ngày 28/02/2020. Nên cấp sơ thẩm tính lãi suất chậm thanh toán từ ngày 28/02/2020 là có căn cứ. Bản án sơ thẩm xét xử có căn cứ, kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn ông Ch về việc yêu cầu ông Ch thanh toán số tiền 120.000.000 đồng theo 02 biên nhận về việc cho vay tiền hộ cá nhân ngày 01/10/2018 và ngày 17/10/2018 và tiền lãi chậm thanh toán. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà C khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Ch trả lại cho bà C số tiền đã vay là 951.000.000 đồng, chứng cứ nguyên đơn xuất trình là 04 giấy cho vay tiền đề ngày 07/4/2019; ngày 01/7/2019; ngày 26/8/2019 và ngày 15/10/2019.

[3] Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Ch cho rằng 04 giấy cho vay tiền đề ngày 07/4/2019; ngày 01/7/2019; ngày 26/8/2019 và ngày 15/10/2019 chỉ là hợp đồng thỏa thuận về việc vay tiền, chưa có biên bản giao nhận tiền giữa bà C và ông Ch và ông Ch chưa nhận khoản tiền vay nào theo 04 giấy vay tiền trên nên ông Ch không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà C.

[4] Xét thấy, quá trình tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn thống nhất các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Theo nội dung 04 giấy cho vay tiền đề ngày 07/4/2019; ngày 01/7/2019; ngày 26/8/2019 và ngày 15/10/2019, bà C và ông Ch không thỏa thuận thời điểm và phương thức giao nhận tiền vay, ông Ch thừa nhận chữ ký và các nội dung trong các giấy cho vay tiền trên nên căn cứ vào Điều 400 của Bộ luật Dân sự thì thời điểm có hiệu lực của hợp đồng là từ thời điểm giao kết nên bị đơn cho rằng chưa có việc giao nhận số tiền trên nên không phát sinh trách nhiệm thanh toán số tiền là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, có căn cứ xác định ông Ch có mượn của bà C số tiền là 951.000.000 đồng, việc bị đơn ông Ch không thanh toán cho bà C số tiền trên là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 951.000.000 đồng đồng là có căn cứ.

[6] Đối với tiền lãi chậm thanh toán, khoản vay 50.000.000 đồng ngày 01/7/2019, khoản vay 150.000.000 đồng ngày 07/4/2019 và khoản vay 100.000.000 đồng ngày 26/8/2019 cùng có thời hạn vay là 01 tháng. Riêng đối với khoản vay 651.000.000 đồng ngày 15/10/2019 các bên không có thỏa thuận thời hạn vay. Như vậy, hợp đồng vay tiền theo giấy cho vay tiền ngày 01/7/2019, ngày 07/4/2019 và ngày 26/8/2019 là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có thỏa thuận lãi, hợp đồng vay tiền theo giấy cho vay tiền ngày 15/10/2019 là hợp đồng không kỳ hạn và không có thỏa thuận lãi. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 10%/năm là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về thời gian tính lãi: Đối với khoản vay theo giấy cho vay tiền ngày 15/10/2019 thì theo quy định khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo cho bên vay biết trước thời gian hợp lý. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Thông báo về việc đòi nợ theo ủy quyền ngày 26/02/2020, bị đơn thừa nhận có nhận thông báo trên và ngày thực hiện trả nợ theo Thông báo là ngày 28/02/2020. Đối với khoản vay theo giấy cho vay tiền 01/7/2019, ngày 07/4/2019 và ngày 26/8/2019 thì thời gian tính lãi tính từ ngày bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tuy nhiên nguyên đơn yêu cầu từ ngày 28/02/2020. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thời gian tính lãi từ ngày 28/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm đối với số tiền vay 951.000.000 đồng với số tiền lãi 118.610.000 đồng là có căn cứ.

[7] Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ nên kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Minh Ch là bà Phạm Kim H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Minh Ch được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- TAND thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết